

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2369/QĐ-ĐHNN ngày 18 tháng 10 năm 2023)

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Số học phần: 49/60*

Chuyên ngành: Ngôn ngữ và Văn hóa

Tổng số TC: 108/131**

Loại hình đào tạo: Bằng đại học thứ 2 Từ xa

Số lượng học kỳ: 05

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Khối kiến thức	Số TC của HK
1	ANH4012	Nghe 1	2	1	Kiến thức Tiếng	18
2	ANH4022	Nói 1	2	1	Kiến thức Tiếng	
3	ANH4032	Đọc 1	2	1	Kiến thức Tiếng	
4	ANH4042	Viết 1	2	1	Kiến thức Tiếng	
5	ANH4052	Nghe 2	2	1	Kiến thức Tiếng	
6	ANH4062	Nói 2	2	1	Kiến thức Tiếng	
7	ANH4072	Đọc 2	2	1	Kiến thức Tiếng	
8	ANH4082	Viết 2	2	1	Kiến thức Tiếng	
9	KXH1012	Tiếng Việt thực hành	2	1	Khoa học Xã hội	
10	ANH4092	Nghe 3	2	2	Kiến thức Tiếng	22
11	ANH4102	Nói 3	2	2	Kiến thức Tiếng	
12	ANH4112	Đọc 3	2	2	Kiến thức Tiếng	
13	ANH4122	Viết 3	2	2	Kiến thức Tiếng	
14	ANH4172	TH dịch 1	2	2	Kiến thức Tiếng	
15	ANH4182	TH dịch 2	2	2	Kiến thức Tiếng	
16	KNV1022	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	Khoa học Nhân văn	
17	ANH4132	Nghe 4	2	2	Kiến thức Tiếng	
18	ANH4142	Nói 4	2	2	Kiến thức Tiếng	
19	ANH4152	Đọc 4	2	2	Kiến thức Tiếng	
20	ANH4162	Viết 4	2	2	Kiến thức Tiếng	
21	LCT1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	Lý luận chính trị	
22	ANH3022	Văn hoá Anh 1	2	3	Văn hóa - Văn học	
23	ANHA033	Văn hoá Anh 2	3	3	CN Ngôn ngữ - Văn hóa	
24	KHX1092	Pháp luật đại cương	2	3	Khoa học Xã hội	
25	ANH4192	Nghe 5	2	3	Kiến thức Tiếng	

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Khối kiến thức	Số TC của HK
26	ANH4022	Nghe bài giảng	2	3	Kiến thức Tiếng (Chọn học 1 trong 3 học phần)	21
27	ANH4212	Nghe tin tức	2	3		
28	ANH4222	Nói 5	2	3	Kiến thức Tiếng (Chọn học 1 trong 3 học phần)	
29	ANH4232	Phỏng vấn	2	3		
30	ANH4242	Quan hệ giao tiếp	2	3		
31	ANH4252	Độc 5	2	3	Kiến thức Tiếng (Chọn học 1 trong 3 học phần)	
32	ANH4262	Độc phê bình	2	3		
33	ANH4272	Tiếng Anh học thuật	2	3		
34	ANH4282	Viết 5	2	3	Kiến thức Tiếng (Chọn học 1 trong 3 học phần)	
35	ANH4292	Viết Luận văn	2	3		
36	ANH4302	Viết Chuyên ngành	2	3		
37	ANH3052	Giao thoa văn hoá 1	2	3	Văn hóa - Văn học	
38	ANHA052	Giao Thoa Văn hoá 2	2	3	CN Ngôn ngữ - Văn hóa	
39	ANH3012	Văn học Anh 1	2	4	Văn hóa - Văn học	23
40	ANHA013	Văn học Anh 2	3	4	CN Ngôn ngữ - Văn hóa	
41	ANH2012	Ngữ âm- âm vị học	2	4	Kiến thức Ngôn ngữ	
42	ANH2022	Ngữ pháp	2	4	Kiến thức Ngôn ngữ	
43	ANH2032	Ngữ nghĩa học	2	4	Kiến thức Ngôn ngữ	
44	KXA1072	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	4	Khoa học Xã hội	
45	ANH3032	Văn học Mỹ 1	2	4	Văn hóa - Văn học	
46	ANHA023	Văn học Mỹ 2	3	4	CN Ngôn ngữ - Văn hóa	
47	ANH3042	Văn hoá Mỹ 1	2	4	Văn hóa - Văn học	
48	ANHA043	Văn hoá Mỹ 2	3	4	CN Ngôn ngữ - Văn hóa	
49	ANH2042	Phân tích diễn ngôn	2	5	Kiến thức Ngôn ngữ	24
50	ANHA073	Ngôn ngữ xã hội học	3	5	Kiến thức Ngôn ngữ	
51	KXH1042	Dẫn luận ngôn ngữ	2	5	Khoa học Xã hội	
52	KXA1022	Ngôn ngữ học đối chiếu (Anh)	2	5	Khoa học Xã hội	
53	ANHA063	Kỹ năng Giao tiếp	3	5	CN Ngôn ngữ - Văn hóa	
54	ANHA095	Thực tập (Ngữ văn)	5	5	Thực tập - Thực tế	
55	ANHA172	Ngôn ngữ và văn hoá	2	5	TT Khóa luận tốt nghiệp (Chọn 1 trong 2 học phần)	
56	ANH2052	Ngữ dụng học	2	5		
57	ANHA142	Nghiên cứu Văn bản	2	5	TT Khóa luận tốt nghiệp (Chọn 1 trong 2 học phần)	
58	ANH4352	Kỹ năng thực hành tiếng nâng cao	2	5		

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Khối kiến thức	Số TC của HK
59	ANHA123	Tâm lý ngôn ngữ học	3	5	TT Khóa luận tốt nghiệp (Chọn 1 trong 2 học phần)	
60	ANHA083	Ngữ pháp chức năng	3	5		
	TỔNG		108/131			108

Ghi chú: * Số học phần chọn học / Số học phần của chương trình.

** Số tín chỉ chọn học, tích lũy để tốt nghiệp / Số tín chỉ của chương trình.

Số TC bắt buộc học Chương trình Ngôn ngữ Anh:

Số tín chỉ của Học kỳ 1: 18

Số tín chỉ của Học kỳ 2: 22

Số tín chỉ của Học kỳ 3: 21

Số tín chỉ của Học kỳ 4: 23

Số tín chỉ của Học kỳ 5: 24

108

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hồng Nhung

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY TOÀN KHÓA

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Chuyên ngành: Ngôn ngữ và Văn hóa
Loại hình đào tạo: Bằng đại học thứ 2 Từ xa

Số học phần: 49
Tổng số TC: 108
Số lượng học kỳ: 05

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Số buổi học online	Số tiết học online	Số buổi tự nghiên cứu	Số tiết tự nghiên cứu	Số tiết kiểm tra giữa kỳ	Hình thức thi hết học phần
1	ANH4012	Nghe1	2	1	4	20	6	30	1	Thi
2	ANH4022	Nói 1	2	1	4	20	6	30	1	Thi
3	ANH4032	Đọc 1	2	1	4	20	6	30	1	Thi
4	ANH4042	Viết 1	2	1	4	20	6	30	1	Thi
5	ANH4052	Nghe 2	2	1	4	20	6	30	1	Thi
6	ANH4062	Nói 2	2	1	4	20	6	30	1	Thi
7	ANH4072	Đọc 2	2	1	4	20	6	30	1	Thi
8	ANH4082	Viết 2	2	1	4	20	6	30	1	Thi
9	KXH1012	Tiếng Việt thực hành	2	1	2	10	12	60	1	Tiểu luận
10	ANH4092	Nghe 3	2	2	4	20	6	30	1	Thi
11	ANH4102	Nói 3	2	2	4	20	6	30	1	Thi
12	ANH4112	Đọc 3	2	2	4	20	6	30	1	Thi
13	ANH4122	Viết 3	2	2	4	20	6	30	1	Thi
14	ANH4172	TH dịch 1	2	2	4	20	6	30	1	Thi
15	ANH4182	TH dịch 2	2	2	4	20	6	30	1	Thi
16	KNV1022	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	2	10	12	60	1	Tiểu luận
17	ANH4132	Nghe 4	2	2	4	20	6	30	1	Thi
18	ANH4142	Nói 4	2	2	4	20	6	30	1	Thi

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Số buổi học online	Số tiết học online	Số buổi tự nghiên cứu	Số tiết tự nghiên cứu	Số tiết kiểm tra giữa kỳ	Hình thức thi hết học phần
19	ANH4152	Độc 4	2	2	4	20	6	30	1	Thi
20	ANH4162	Viết 4	2	2	4	20	6	30	1	Thi
21	LCT1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	2	10	12	60	1	Thi
22	ANH3022	Văn hoá Anh 1	2	3	2	10	12	60	1	Thi
23	ANHA033	Văn hoá Anh 2	3	3	3	15	18	90	1	Tiểu luận
24	KHX1092	Pháp luật đại cương	2	3	2	10	12	60	1	Thi
25	ANH4192	Nghe 5	2	3	4	20	6	30	1	Thi
26	ANH4222	Nói 5	2	3	4	20	6	30	1	Thi
27	ANH4252	Độc 5	2	3	4	20	6	30	1	Thi
28	ANH4282	Viết 5	2	3	4	20	6	30	1	Thi
29	ANH3052	Giao thoa văn hoá 1	2	3	2	10	12	60	1	Thi
30	ANHA052	Giao Thoa Văn hoá 2	2	3	2	10	12	60	1	Tiểu luận
31	ANH3012	Văn học Anh 1	2	4	2	10	12	60	1	Thi
32	ANHA013	Văn học Anh 2	3	4	3	15	18	90	1	Tiểu luận
33	ANH2012	Ngữ âm- âm vị học	2	4	2	10	12	60	1	Thi
34	ANH2022	Ngữ pháp	2	4	2	10	12	60	1	Thi
35	ANH2032	Ngữ nghĩa học	2	4	2	10	12	60	1	Thi
36	KXA1072	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	4	2	10	12	60	1	Tiểu luận
37	ANH3032	Văn học Mỹ 1	2	4	2	10	12	60	1	Thi
38	ANHA023	Văn học Mỹ 2	3	4	3	15	18	90	1	Tiểu luận
39	ANH3042	Văn hoá Mỹ 1	2	4	2	10	12	60	1	Thi
40	ANHA043	Văn hoá Mỹ 2	3	4	3	15	18	90	1	Tiểu luận
41	ANH2042	Phân tích diễn ngôn	2	5	2	10	12	60	1	Tiểu luận
42	ANHA073	Ngôn ngữ xã hội học	3	5	3	15	18	90	1	Tiểu luận
43	KXH1042	Dẫn luận ngôn ngữ	2	5	2	10	12	60	1	Tiểu luận
44	KXA1022	Ngôn ngữ học đôi chiếu (Anh)	2	5	2	10	12	60	1	Tiểu luận

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Số buổi học online	Số tiết học online	Số buổi tự nghiên cứu	Số tiết tự nghiên cứu	Số tiết kiểm tra giữa kỳ	Hình thức thi hết học phần
45	ANHA063	Kỹ năng Giao tiếp	3	5	3	15	18	90	1	Thi
46	ANHA095	Thực tập (Ngữ văn)	5	5	0	0	0	0	0	Báo cáo
47	ANH2052	Ngữ dụng học	2	5	3	15	18	90	1	Thi
48	ANHA142	Nghiên cứu Văn bản	2	5	2	10	12	60	1	Tiểu luận
49	ANHA083	Ngữ pháp chức năng	3	5	3	15	18	90	1	Thi
TỔNG			108/131		148	740	492	2460	48	

Số TC bắt buộc học Chương trình Ngôn ngữ Anh:

Số tín chỉ của Học kỳ 1:	18
Số tín chỉ của Học kỳ 2:	22
Số tín chỉ của Học kỳ 3:	21
Số tín chỉ của Học kỳ 4:	23
Số tín chỉ của Học kỳ 5:	24

108

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hồng Nhung